



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 37 (11/09-15/09/23)

*Danh mục MarketVector Vietnam Local Index,
FTSE Vietnam Index và FTSE Vietnam 30 Index Quý 3 năm 2023*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Chốt lãi một phần, để chủ động trước biến động chưa rõ ràng tại vùng đỉnh cũ*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Danh mục MarketVector Vietnam Local Index, FTSE Vietnam Index và FTSE Vietnam 30 Index Quý 3 năm 2023*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
4. PTKT VN-INDEX: *Giằng co tại vùng đỉnh ngắn hạn, VN-Index cần thêm cây nến chỉ hướng để xác lập xu hướng*
5. TIN VĨ MÔ: *Tăng trưởng tín dụng +5.33% tính đến cuối tháng 08/2023*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Hóa chất +5.09%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Chốt lãi một phần, để chủ động trước biến động chưa rõ ràng tại vùng đỉnh cũ

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1241.48	1.42%
GTGD/phiên (tỷ VND)	22,934.77	19.81%
Khối ngoại (tỷ VND)	-1305.33	
HNX-INDEX	256.20	2.58%
GTGD/phiên (tỷ VND)	2621.76	38.02%
Khối ngoại (tỷ VND)	53.36	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4457.49	0.14%	-1.29%	-0.15%
EU (EURO STOXX)	4237.19	0.38%	-1.06%	-1.95%
China (SHCOMP)	3116.72	-0.18%	-0.53%	-2.27%
Japan (NIKKEI)	32606.84	-1.16%	-0.32%	0.41%
Korea (KOSPI)	2547.68	-0.02%	-0.63%	-1.68%
Singapore (STI)	3207.75	-0.58%	-0.79%	-2.63%
Thailand (SET)	1547.17	-0.21%	-0.92%	0.78%
Phillipines (PCOMP)	6222.94	0.64%	0.68%	-2.86%
Malaysia (KLCI)	1454.95	-0.35%	-0.58%	-0.15%
Indonesia (JCI)	6924.78	-0.43%	-0.76%	0.65%
Vietnam (VNIndex)	1241.48	-0.13%	1.42%	0.75%

TTCK VIỆT NAM

Thị trường tạm dừng tại đỉnh ngắn hạn trước áp lực chốt lãi

VN-Index vận động tích cực sau kỳ nghỉ Lễ và đã vượt đỉnh ngắn hạn 1,243 điểm như nhận định báo cáo tuần trước. Áp lực chốt lãi sau đó đã khiến cho chỉ số lùi bước và chỉ ghi nhận mức tăng 1.4% cùng thanh khoản tăng 20%. Độ rộng tăng điểm tích cực với 74% cổ phiếu và 18/19 ngành tăng điểm. Tâm lý tích cực, dòng tiền tăng trưởng và luân chuyển nhanh vẫn là động lực nâng đỡ chỉ số cho dù các cổ phiếu lớn như VIC, VHM và VRE suy yếu. Ngành hóa chất, tài nguyên cơ bản, xây dựng và vật liệu tăng trên 3.7% trong khi bất động sản là ngành duy nhất giảm 0.5%. Thị trường đang tích lũy tại vùng đỉnh ngắn hạn và NĐT cần tranh thủ chốt lãi một phần trong phiên cổ phiếu tăng mạnh, đề cao quản trị rủi ro thay bằng cố gắng đi tìm cơ hội mới cho đến khi xu hướng định hình rõ ràng. Tín dụng đến 29/8 đạt khoảng 12.56 triệu tỷ, tăng 5.33% so với mức 9.87% cùng kỳ 2022. NHNN thời gian qua cũng đã tháo gỡ cho lĩnh vực bất động sản, nông sản chủ lực cũng như ban hành chính sách cơ cấu thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, giảm lãi suất nhưng tăng trưởng tín dụng vẫn chưa được cải thiện. Thanh khoản hệ thống dư thừa và còn nhiều dư địa để tăng trưởng tín dụng tuy nhiên khả năng hấp thụ tín dụng yếu. Trong bối cảnh đó, giảm lãi suất huy động đang là giải pháp được nhiều Ngân hàng sử dụng. Các NHTM đều giảm lãi suất huy động trong tháng 8 và còn tiếp tục giảm khi các NHTM nhà nước đi đầu giảm lãi suất từ 0.3% - 0.5% trong tuần tới. Lãi suất giảm sẽ tiếp tục hỗ trợ tâm lý và dòng tiền tại kênh đầu tư trong đó có chứng khoán.

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ giảm trước sức ép lợi tức trái phiếu tăng và sự yếu kém của nhóm công nghệ

Lợi tức TP Hoa Kỳ kỳ hạn 2 năm vượt 5% gây sức ép đến tài sản rủi ro. Các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm bình quân 1.5%, dẫn đầu đà giảm từ nhóm cổ phiếu công nghệ. Diễn biến tiêu cực cũng lan rộng trên TTCK Âu và Á. Chỉ số EU600 giảm 1.5% trong khi Châu Á có mức giảm 0.5%. Chỉ số DXY hồi phục 0.7% sau 1 tuần giảm nhẹ, phản ánh kỳ vọng sức khỏe nền kinh tế Hoa Kỳ. DXY tăng không ảnh hưởng đáng kể đến chỉ số hàng hóa. Hàng hóa vẫn ghi nhận mức tăng 0.8%, dẫn đầu từ giá Ure (+23.9%), dầu (+2.1%) và gas (+3%). Tuần tới, ECB sẽ công bố lãi suất. CPI Hoa Kỳ công bố cũng là chỉ số quan trọng cho quyết định lãi suất của FED trong kỳ họp tháng 9 diễn ra từ 19-20/9.

Trong báo cáo định kỳ Beige book về các điều kiện kinh tế Hoa Kỳ, FED cho rằng kinh tế chứng kiến tăng trưởng khiêm tốn trong mùa hè khi người tiêu dùng người dân sử dụng tiết kiệm trong chi tiêu du lịch. Chi tiêu du lịch mạnh hơn cân bằng mức suy giảm chi tiêu bán lẻ không thiết yếu. Các tin tức kinh tế tích cực sẽ sớm kết thúc cùng với tiết kiệm của người tiêu dùng tích lũy trong đại dịch và đang phụ thuộc nhiều vào các khoản vay mượn. Tốc tăng trưởng việc làm giảm trong khi lạm phát chậm lại, giảm tốc nhanh trong lĩnh vực sản xuất và hàng tiêu dùng. Cùng với chỉ số CPI công bố giữa tuần tới, báo cáo này cũng ảnh hưởng đến quyết định tăng lãi suất của FED. Ông Waller, 1 một trong những thành viên điều hâu trong FOMC, đưa quan điểm không tăng lãi suất tháng 9 và dự báo CME ở mức 93% cũng ủng hộ điều này.

CHUYÊN MỤC TUẦN: *Danh mục MarketVector Vietnam Local Index, FTSE Vietnam Index và FTSE Vietnam 30 Index Quý 3 năm 2023*

Ngày 01/09/2023 FTSE đã công bố danh mục cổ phiếu thành phần thuộc bộ chỉ số FTSE Vietnam All-share và FTSE Vietnam Index, ngày 08/09/2023 MarketVector cũng đã công bố danh mục cổ phiếu thuộc chỉ số MarketVector Vietnam Local Index, theo đó:

- **FTSE Vietnam Index (ETF FTSE tham chiếu):** Thêm mới cổ phiếu VIX và không loại bỏ cổ phiếu nào
- **MarketVector Vietnam Local Index (ETF VNM tham chiếu):** không loại bỏ cổ phiếu nào

Đối với bộ chỉ số FTSE Vietnam 30 Index (ETF Fubon tham chiếu) - FTSE Russell không công bố danh mục chính thức, BSC Research dự báo trên cơ sở dữ liệu kết thúc tại ngày 18/08/2023 với dự báo đã được đề cập tại báo cáo Tuần 35.

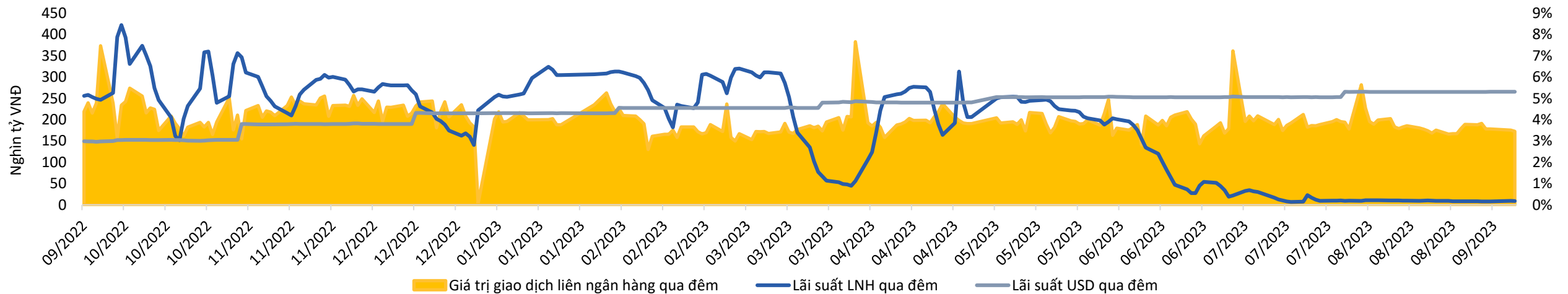
Ngày 15/09/2023 dự kiến sẽ là ngày hoàn tất việc cơ cấu toàn bộ danh mục các ETF tham chiếu theo cả 03 bộ chỉ số trên.

Trên cơ sở dữ liệu tại ngày 08/09/2023, BSC Research dự báo danh mục cổ phiếu thành phần và số lượng cổ phiếu mua/bán đối với các ETF tham chiếu các bộ chỉ số trên, cụ thể như sau:

DỰ BÁO SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU MUA/BÁN CÁC ETF NGOẠI QUÝ 3/2023														
Mã CK	MackettVector Vietnam			FTSE Vietnam			FTSE Vietnam 30			TỔNG HỢP			Ghi chú	
	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	SLCP mua/bán	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	SLCP mua/bán	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	SLCP mua/bán	SLCP mua/bán	KLGD TB 1 tháng gần nhất	Số phiên giao dịch dự kiến		
LPB	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	1.50%	0.00%	19,747,249	19,747,249	6,907,423	2.88	Dự kiến thêm mới trong FTSE Vietnam 30	
VNM	6.97%	7.00%	59,521	9.91%	9.35%	677,271	9.77%	8.52%	3,302,168	4,038,959	3,823,180	1.06		
HCM	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	1.14%	0.29%	5,256,946	5,256,946	7,321,638	0.72		
KDH	0.75%	0.60%	(-636,782)	0.00%	0.00%	0	2.46%	2.14%	1,891,724	1,254,942	1,904,881	0.66		
KBC	1.73%	1.56%	(-781,326)	2.82%	2.09%	1,986,085	2.78%	2.19%	3,515,268	4,720,027	9,872,625	0.48		
VIX	2.40%	2.69%	2,323,001	1.57%	0.00%	7,654,214	0.00%	0.00%	0	9,977,215	33,880,167	0.29	Được thêm mới trong FTSE Vietnam	
VHM	6.61%	8.00%	4,085,645	11.15%	11.72%	(-1,015,072)	10.00%	10.30%	(-1,174,552)	1,896,021	7,218,623	0.26		
VND	4.53%	4.50%	(-201,340)	2.99%	2.31%	2,764,793	2.95%	2.33%	5,499,126	8,062,579	32,611,505	0.25		
DGC	2.53%	2.54%	16,510	3.12%	2.69%	449,272	3.08%	2.83%	562,117	1,027,898	4,312,291	0.24		
GEX	1.75%	1.70%	(-295,730)	2.27%	1.70%	2,139,891	2.24%	1.80%	3,600,633	5,444,794	22,847,485	0.24		
POW	1.33%	1.28%	(-602,683)	1.11%	0.99%	938,055	1.10%	0.99%	1,793,150	2,126,522	10,520,937	0.20		
VIC	7.64%	8.00%	966,840	11.69%	12.16%	(-763,284)	10.00%	9.11%	3,183,812	3,387,367	18,865,213	0.18		
KDC	1.06%	1.23%	418,380	0.00%	0.00%	0	1.47%	1.50%	(-112,471)	305,908	1,842,901	0.17		
EIB	1.74%	2.06%	2,005,548	1.67%	1.84%	(-632,737)	0.00%	0.00%	0	1,372,811	17,284,458	0.08		
STB	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	2.24%	2.02%	1,415,143	1,415,143	25,748,238	0.05		
VCG	1.38%	1.37%	(-29,688)	1.16%	1.06%	342,462	1.15%	1.10%	342,922	655,696	17,756,870	0.04		
VCB	5.42%	6.00%	1,028,595	8.16%	8.29%	(-145,440)	8.04%	8.41%	(-878,955)	4,200	1,593,945	0.00		
NVL	4.08%	4.03%	(-393,859)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-393,859)	48,298,386	(-0.01)		
HUT	1.03%	1.00%	(-149,437)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-149,437)	7,390,483	(-0.02)		
PVS	1.10%	1.07%	(-139,132)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-139,132)	6,112,487	(-0.02)		
TCH	0.94%	0.90%	(-465,489)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-465,489)	15,118,581	(-0.03)		
HAG	0.87%	0.82%	(-855,734)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-855,734)	19,703,186	(-0.04)		
DXG	0.95%	0.86%	(-654,457)	1.02%	1.14%	(-505,031)	0.00%	0.00%	0	(-1,159,488)	25,964,640	(-0.04)		
PDR	1.74%	1.62%	(-713,623)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-713,623)	14,422,169	(-0.05)		
IDC	1.35%	1.28%	(-215,518)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-215,518)	3,467,053	(-0.06)		
VGC	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	0.40%	0.42%	(-79,489)	(-79,489)	1,088,998	(-0.07)		
SHS	1.45%	1.24%	(-1,757,225)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-1,757,225)	23,864,336	(-0.07)		
DIG	1.73%	1.63%	(-566,708)	1.33%	1.43%	(-332,442)	1.31%	1.45%	(-1,009,864)	(-1,909,013)	25,098,409	(-0.08)		
HDG	0.53%	0.55%	(-203,105)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-203,105)	2,208,730	(-0.09)		
HSG	0.93%	0.77%	(-1,565,463)	1.10%	1.06%	195,681	0.00%	0.00%	0	(-1,369,782)	13,494,156	(-0.10)		
VPI	1.21%	1.17%	(-116,612)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-116,612)	818,274	(-0.14)		
DCM	0.88%	0.86%	(-102,269)	0.00%	0.00%	0	0.65%	0.74%	(-534,396)	(-636,665)	4,329,294	(-0.15)		
VCI	2.86%	2.89%	88,044	2.13%	2.23%	(-208,264)	2.10%	2.27%	(-774,706)	(-894,925)	5,231,292	(-0.17)		
PVD	0.87%	0.85%	(-101,062)	0.98%	1.17%	(-690,568)	0.00%	0.00%	0	(-791,630)	4,113,387	(-0.19)		
VHC	1.61%	1.51%	(-193,316)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-193,316)	978,095	(-0.20)		
HNG	0.49%	0.46%	(-1,044,987)	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	(-1,044,987)	4,685,670	(-0.22)		
HPG	6.83%	6.50%	(-1,821,863)	13.63%	13.27%	1,197,656	10.00%	11.03%	(-7,574,330)	(-8,198,537)	29,536,378	(-0.28)		
DPM	1.08%	1.09%	42,573	1.06%	1.18%	(-296,297)	1.04%	1.28%	(-1,251,501)	(-1,505,224)	4,148,974	(-0.36)		
BVH	0.97%	0.93%	(-149,656)	0.00%	0.00%	0	0.50%	0.55%	(-254,644)	(-404,300)	908,187	(-0.45)		
SSI	6.11%	5.50%	(-2,868,769)	5.25%	6.41%	(-3,317,140)	5.17%	6.52%	(-8,433,692)	(-14,619,602)	30,240,052	(-0.48)		
MSN	4.50%	4.73%	447,833	7.81%	8.54%	(-865,365)	7.69%	8.02%	(-842,938)	(-1,260,470)	2,582,478	(-0.49)		
SHB	2.74%	2.22%	(-6,554,716)	2.04%	2.25%	(-1,568,169)	2.01%	2.27%	(-4,259,468)	(-12,382,354)	25,164,588	(-0.49)		
PLX	0.00%	0.00%	0	0.00%	0.00%	0	0.73%	0.86%	(-690,662)	(-690,662)	1,228,657	(-0.56)		
VRE	2.42%	2.46%	229,951	3.99%	4.44%	(-1,474,550)	3.93%	4.40%	(-3,356,048)	(-4,600,646)	6,844,491	(-0.67)		
SAB	2.26%	2.15%	(-113,161)	0.00%	0.00%	0	1.65%	1.87%	(-283,158)	(-396,319)	331,806	(-1.19)		
VJC	1.44%	1.39%	(-76,972)	2.03%	2.67%	(-604,035)	2.01%	2.72%	(-1,489,452)	(-2,170,459)	1,311,103	(-1.66)		
SBT	1.01%	0.98%	(-286,756)	0.00%	0.00%	0	0.90%	1.43%	(-6,723,188)	(-7,009,944)	4,108,316	(-1.71)	Nguồn: BSC Research	

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.19%	0.40%	0.62%	1.70%	3.46%	5.51%	7.20%
So với tuần trước	0.02%	0.03%	0.01%	0.11%	-0.08%	-0.06%	0.33%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	174,157.00	10,480	9,555	2,254	879	129	3
So với tuần trước	-5.29%	-87.12%	62.26%	-30.16%	-69.47%	-66.77%	-97.40%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 06/09/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 36, bình quân lãi suất liên ngân hàng qua đêm gần như không đổi, thanh khoản giảm nhẹ.
- Hoạt động trên OMO không ghi nhận giao dịch mới.

PTKT VN-INDEX: Giảm co tại vùng đỉnh ngắn hạn, VN-Index cần thêm cây nến chỉ hướng để xác lập xu hướng

Đồ thị ngày: VN-Index duy trì 3 phiên tăng điểm liên tiếp, trong đó có một phiên tạo gap và chỉ dừng lại với 2 cây nến doji điều chỉnh tại vùng đỉnh ngắn hạn 1,243 điểm. Áp lực chốt lãi không áp đảo trong khi lực cầu mua vùng giá thấp vẫn đang khá tốt. VN-Index đã vượt và giữ trên SMA100 đồ thị tuần. Các chỉ báo kỹ thuật hồi phục và xuất hiện tín hiệu phân kỳ nhẹ giữa giá và các chỉ báo kỹ thuật.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng nhẹ từ 59 lên 62 điểm.
- MACD đã vượt trên đường tín hiệu và giữ trên mức 0. Thanh khoản bình quân tăng 20% so tuần trước.
- VN-Index vượt đường SMA trung và dài hạn đồ thị ngày và vượt SMA100 đồ thị tuần.

Kết luận: VN-Index dừng tại vùng đỉnh ngắn hạn với 2 cây nến doji. Dải bollinger band mở rộng cùng với dấu hiệu phân kỳ âm khi chỉ số vượt đỉnh ngắn hạn cho thấy VN-Index sẽ còn biến động mạnh trong thời gian tới. Cơ hội tiếp tục tăng điểm vẫn đang chiếm ưu thế so với khả năng giảm điểm để hình thành mô hình 2 đỉnh ngắn hạn. Để xác nhận xu hướng twang, VN-Index cần một cây nến chỉ hướng để tiếp tục hướng về 1,280 – 1,300 sau nhịp tích lũy.

Đồ thị



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: Tăng trưởng tín dụng +5.33% tính đến cuối tháng 08/2023

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU VĨ MÔ THÁNG 8/2023:



VIỆT NAM:

- Thủ tướng Chính phủ: đề nghị Trung Quốc mở cửa nông thủy sản cho các nước ASEAN trung chuyển qua Việt Nam
- Thủ tướng Chính phủ: yêu cầu Bộ Công Thương khởi công xây dựng các dự án thành phần thuộc dự án đường dây 500kV mạch 3 từ Quảng Trạch - Quảng Bình đến Phố Nối - Hưng Yên với tổng vốn đầu tư 23.000 tỷ đồng trong tháng 9/2023
- Chính phủ: đề nghị NHNN rà soát lại tất cả các điều kiện liên quan đến tín dụng, thiết kế mức lãi suất hợp lý để nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng của người dân, doanh nghiệp.
- Bộ Công Thương: nhà sản xuất iPhone - Apple đã hoàn tất việc chuyển 11 nhà máy sản xuất các thiết bị nghe nhìn vào Việt Nam. Tập đoàn Intel mở rộng giai đoạn hai nhà máy kiểm định chip tại TP HCM với tổng trị giá đầu tư tới 4 tỷ USD và tập đoàn Lego cũng đã đầu tư xây dựng nhà máy tại Việt Nam với giá trị là 4 tỷ USD.
- NHNN: đến ngày 29/08/2023, tín dụng nền kinh tế đạt khoảng 12.56 triệu tỷ đồng, tăng 5.33% so với cuối năm 2022 (cùng kỳ năm 2022 tăng 9.87%).
- VBMA: tính đến 31/8, có 22 đợt phát hành TPDN riêng lẻ trong T8 với tổng giá trị 25,055 tỷ đồng nhưng không có đợt phát hành ra công chúng. Các đợt phát hành có lãi suất trung bình 9.4%/năm, kỳ hạn trung bình là 5.7 năm.
- S&P Global: PMI ngành sản xuất tháng 08 tại Việt Nam tăng trở lại với 50.5 điểm – tăng so với mức 48.7 của tháng 07.
- Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC, thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới): cam kết đầu tư mới gần 1.9 tỷ USD tại Việt Nam trong năm tài chính 2023, trong đó 520 triệu USD là đầu tư dài hạn.

THẾ GIỚI:

- Chủ tịch Fed Cleveland Mester: Fed có thể sẽ cần tăng lãi suất cao hơn một chút nữa.
- Hoa Kỳ: chỉ số PMI dịch vụ ISM tháng 08 đạt 54.5 điểm tăng so với tháng 07 là 52.7 điểm và tăng vượt so với kỳ vọng là 52.5 điểm. Đây là mức cao mới kể từ T02/2023.
- Hoa Kỳ: Đơn đăng ký mua nhà giảm xuống mức thấp nhất kể từ năm 1995. Lãi suất hợp đồng thế chấp cố định thời hạn 30 năm giảm 10 điểm cơ bản xuống 7.21% - vẫn gần mức cao nhất trong nhiều thập kỷ.
- Hoa Kỳ: số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu giảm còn 216 nghìn – thấp hơn so với dự kiến là 234 nghìn.
- Trung Quốc: kim ngạch xuất khẩu T08 đã giảm 8.8% svck. Trước đó T07 xuất khẩu sụt giảm 14.5% - mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 2/2020.
- Eurozone: PMI dịch vụ tháng 08 ghi nhận 47.9 giảm so với giai đoạn trước đó khi đạt 50.9 điểm.
- Reuters: Country Garden đã thanh toán lãi với hai trái phiếu bằng USD ngay trước khi giai đoạn ân hạn kết thúc vào ngày 05/09.
- Goldman Sachs: hạ dự báo xác suất nền kinh tế Hoa Kỳ suy thoái từ 20% xuống 15% khi lạm phát hạ nhiệt và thị trường lao động vẫn vững mạnh.
- FTSE Russell: Việt Nam đang sở hữu nhiều động lực tăng trưởng tích cực và có điều kiện để tăng trưởng nhanh chóng hơn trong tương lai đồng thời chứng khoán Việt Nam là điểm sáng ở châu Á.

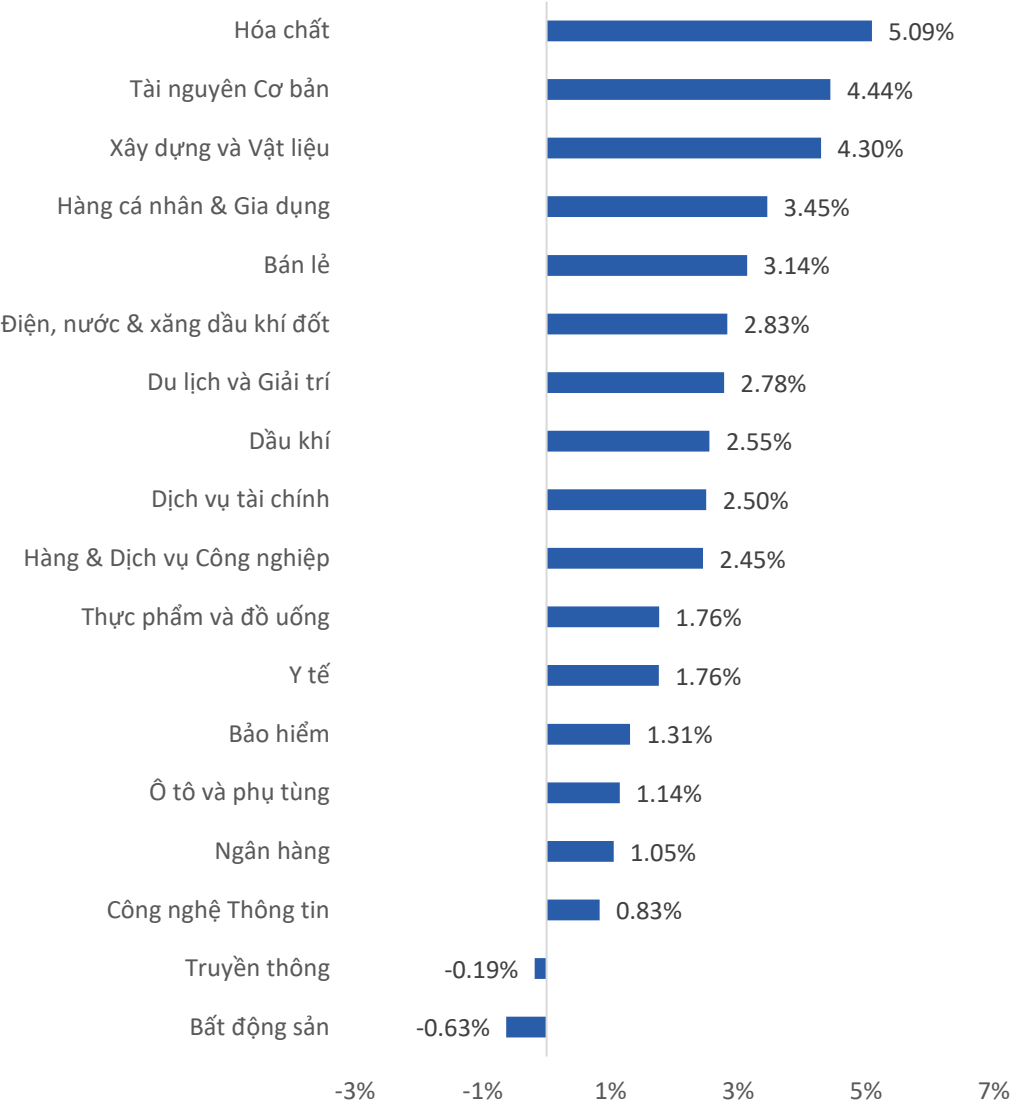
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Dòng tiền tăng trưởng và vận động tích cực đẩy mặt bằng giá lên. Thị trường đang tích lũy tại đỉnh ngắn hạn và có thể chịu áp lực tin ra là bán;
- Các NHTM nhà nước đi đầu trong việc hạ lãi suất huy động;
- 11/9, Cung tiền M2 và các khoản nợ mới Trung Quốc. 12/9, Tỷ lệ thất nghiệp và thu nhập bình quân người lao động 3 tháng của Anh. 13/9, Chỉ số sản xuất, cán cân thương mại và GDP tháng của Anh; CPI và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 14/9, Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ ECB; Doanh thu bán lẻ và đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 15/9, Chỉ số công nghiệp, doanh thu bán lẻ và tỷ lệ thất nghiệp Trung Quốc; chỉ số sản xuất Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Hóa chất	2.78%	5.09%	6.68%	DRC	1.77%	
Tài nguyên Cơ bản	0.49%	4.44%	6.33%	HPG	4.94%	HSG 6.67%
Xây dựng và Vật liệu	1.24%	4.30%	5.56%	CTD	6.05%	HT1 1.71%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.09%	3.45%	2.97%	TCM	12.22%	TNG 3.33%
Bán lẻ	1.20%	3.14%	4.63%	MWG	6.96%	PNJ 3.21%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	87.51	0.74%	2.29%	5.98%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	90.65	0.81%	2.37%	5.24%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	265.37	1.17%	2.41%	-1.81%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,919.08	-0.03%	-1.08%	0.28%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	22.93	-0.18%	-5.21%	1.06%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,363.00	0.26%	-0.46%	4.24%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	595.75	-0.67%	0.04%	-8.87%		AFX
Sữa	USD/cwt	19.01	-1.04%	0.48%	4.34%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	233.90	1.78%	4.33%	19.34%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	26.31	-1.39%	1.94%	8.14%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	148.65	-0.77%	-2.14%	-5.74%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,242.50	-0.94%	-3.04%	-0.63%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3,757.00	-0.92%	-0.79%	1.38%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,183.50	-0.57%	-2.39%	0.37%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	831.50	-1.60%	-1.48%	14.22%		HPG
Than đá	USD/MT	163.90	0.15%	1.02%	3.83%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	3,843.00	-1.03%	-1.69%	-0.70%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VCB	3.36%	3.63
HPG	6.36%	2.43
BID	3.87%	2.23
GVR	11.20%	2.22
FPT	6.73%	1.96
CTG	4.17%	1.57
VNM	3.87%	1.54
BCM	8.57%	1.50
VPB	3.71%	1.28
MWG	6.53%	1.22
Tổng		19.57

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VIC	-2.20%	-1.34
VPI	-4.28%	-0.14
SSB	-0.35%	-0.06
BHN	-1.72%	-0.04
TDP	-4.32%	-0.03
HBC	-3.38%	-0.02
DMC	-3.68%	-0.02
SGR	-4.93%	-0.02
VSH	-0.77%	-0.02
S4A	-4.76%	-0.02
Tổng		-1.72

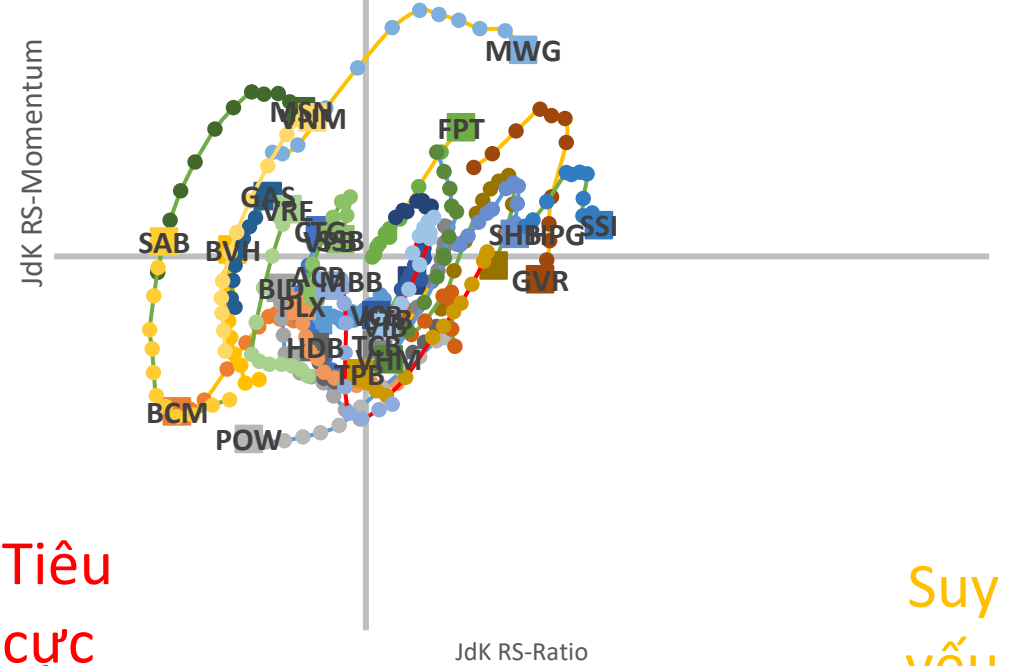
Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VPB	856.42	
VNM	294.95	
TPB	122.13	
MWG	82.78	
HDB	55.95	
GMD	54.19	
PVD	41.85	
FTS	41.48	
BID	40.92	
BSR	37.19	
Tổng	1,627.87	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	-499.76	
FUEVFN	-423.48	
SSI	-320.67	
VIC	-288.79	
STB	-174.56	
KBC	-132.40	
MSN	-132.39	
HDG	-129.03	
VHC	-122.32	
KDH	-86.37	
Tổng	-2309.78	

Vận động cổ phiếu VN30			
FPT	106.1311	103.4487	36.14%
MWG	110.1025	105.5168	31.36%
SHB	109.5733	100.5956	16.60%
SSI	114.9718	100.832	42.86%
BVH	91.46689	100.177	2.61%
CTG	97.06552	100.6922	13.86%
GAS	93.72099	101.6102	6.98%
MSN	95.86528	103.8779	6.40%
SAB	87.07533	100.3954	1.94%
SSB	98.37613	100.449	7.45%
VIC	99.88785	104.0006	16.07%
VJC	91.83945	100.62	0.82%
VNM	96.59581	103.7147	21.62%
VRE	94.99268	101.2519	12.64%
GVR	111.2038	99.38045	22.75%
HPG	108.2138	99.7495	21.05%
MBB	102.9854	99.34962	9.06%
STB	101.4675	98.32423	18.30%
TCB	100.7218	97.63337	8.66%
VCB	100.6833	98.42074	0.22%
VHM	101.486	97.24517	-1.26%
VIB	101.2143	98.13559	5.71%
ACB	96.94677	98.2887	3.67%
BCM	87.89509	95.84619	-11.08%
BID	94.56244	99.15203	7.44%
HDB	96.7395	97.56771	4.18%
PLX	95.90235	98.66766	3.63%
POW	92.50056	95.11195	-7.25%
TPB	99.58979	96.86051	7.69%
VPB	97.69477	99.20687	7.44%

Hồi
phục

Tích
cực

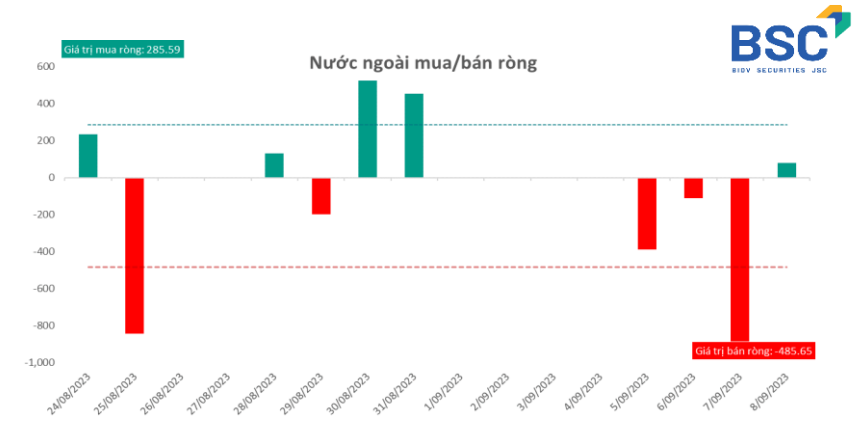
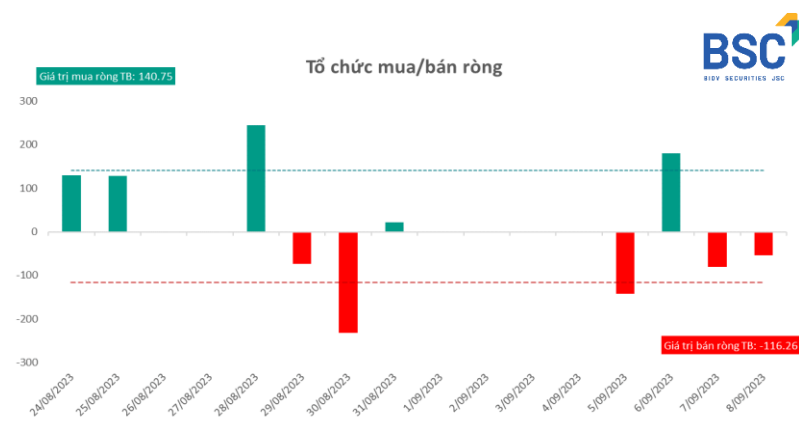
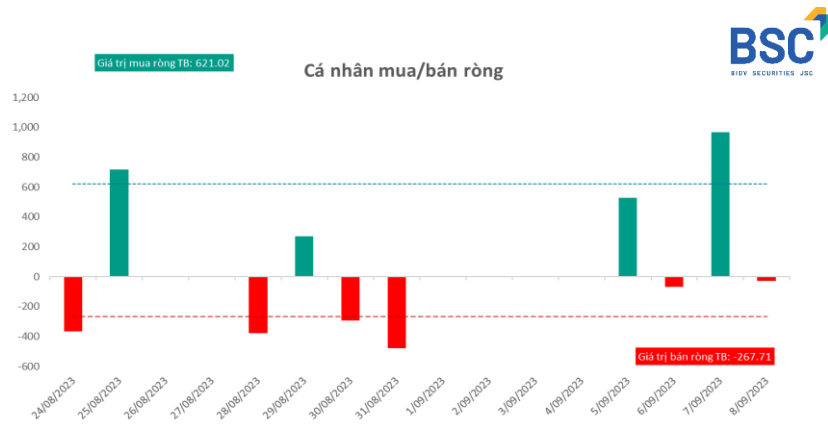


Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUEVFN30	20,406,700	562.51	ACB	2,655,372	-60.78	VPB	41,282,700	856.42	HPG	17,583,262	-499.76	VHM	10,556,592	540.53	VPB	39,007,012	-809.15
E1VFN30	5,334,500	114.61	FPT	464,306	-44.52	VNM	3,706,203	294.95	FUEVFN30	15,351,037	-423.48	HPG	14,102,317	400.97	VNM	4,075,203	-324.28
STB	2,463,765	80.24	PNJ	504,403	-41.56	TPB	6,074,775	122.13	SSI	9,591,259	-320.67	SSI	8,900,599	292.69	VJC	2,473,360	-249.67
VHM	1,376,295	75.74	VIB	1,958,027	-40.55	MWG	1,522,838	82.78	VIC	4,670,416	-288.79	VIC	4,578,412	284.14	MWG	1,282,137	-69.17
FUESSVFL	3,662,800	73.24	NLG	955,610	-38.28	HDB	3,263,829	55.95	STB	5,321,244	-174.56	HDG	6,270,211	193.44	HDB	4,016,098	-68.89
MWG	370,299	19.58	IJC	1,880,200	-31.81	GMD	848,231	54.19	KBC	3,843,047	-132.40	KBC	4,299,347	148.16	DGC	687,320	-62.52
MBB	908,528	16.83	CTG	926,021	-30.60	PVD	1,606,558	41.85	MSN	1,614,501	-132.39	KDH	3,669,300	133.80	GAS	519,834	-53.52
VRE	547,700	16.48	VNM	352,803	-28.04	FTS	986,300	41.48	HDG	4,206,711	-129.03	VHC	1,649,200	130.84	MBB	2,583,087	-48.70
MSN	140,299	11.65	GMD	423,800	-27.15	BID	865,195	40.92	VHC	1,544,000	-122.32	MSN	1,335,682	109.37	FTS	983,129	-41.23
DBC	450,000	11.64	DGC	289,000	-25.30	VHM	638,812	34.51	KDH	2,366,600	-86.37	TPB	4,826,087	95.60	EIB	1,585,900	-41.07

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	89.5	0.00%	1.00	20,795.00	5.00	7,311.00	12.24	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	47	-0.70%	0.90	9,884.00	3.10	4,208.00	11.17	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	21.8	0.20%	1.10	6,084.00	15.20	-		23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	35.4	-1.10%	1.60	5,169.00	6.80	-		-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	19.1	-1.00%	1.50	4,140.00	8.90	4,640.00	4.12	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	32.5	-1.50%	1.20	2,547.00	25.10	4,603.00	7.06	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	22.7	1.30%	1.90	3,775.00	3.20	4,880.00	4.65	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	35.4	3.40%	1.70	1,130.00	26.30			34,000	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	49.8	4.80%	1.70	683.00	8.10	1,217.00		45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	51	1.20%	1.80	951.00	2.20	1,916.00	26.62	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.8	0.30%	2.00	6,950.00	40.40	1,896.00	15.19	23,300	26.40%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	54	-2.00%	1.10	9,775.00	23.40	5,227.00	10.33	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	30	-2.30%	1.00	2,796.00	7.20	1,576.00	18.78	36,200	32.10%	Link
KDH	BĐS	36.2	-0.70%	1.80	1,079.00	3.20	2,557.00	14.16	35,900	38.90%	Link
NLG	BĐS	39.3	-0.90%	1.70	628.00	3.80	14,120.00	2.78	46,100	41.40%	Link
DGC	Phân bón	92.4	3.80%	1.80	1,459.00	17.30	6,793.00	13.60	85,000	13.50%	Link
DPM	Dầu khí	40.4	6.90%	1.00	658.00	9.50	2,625.00	15.39	42,000	15.40%	Link
DCM	Dầu khí	33.8	7.00%	1.30	745.00	8.20	2,292.00	14.75	40,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	102.2	-0.70%	0.60	8,132.00	2.30	1,340.00	76.27	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	39.4	0.10%	0.90	2,081.00	1.60	2,929.00	13.45	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	37.1	4.50%	1.10	737.00	6.60	993.00	37.36	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	26.4	-0.20%	1.10	611.00	4.50	7,698.00	3.43	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	12.8	-0.40%	0.90	1,251.00	5.60	3,895.00	3.29	14,500	6.20%	Link
VNM	Bán lẻ	80	0.60%	0.40	6,951.00	9.20	2,605.00	30.71	81,700	54.40%	Link
MSN	Bán lẻ	81.8	-0.20%	1.30	4,866.00	10.40	3,456.00	23.67	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	55.5	0.90%	1.80	3,374.00	18.00	7,475.00	7.42	63,300	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	84	-0.20%	0.60	1,145.00	2.40	2,965.00	28.33	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	80	0.00%	1.00	610.00	4.40	12,800.00	6.25	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	64.8	1.40%	0.50	824.00	6.60	7,059.00	9.18	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	97.6	-0.30%	0.60	5,153.00	8.60	5,901.00	16.54	96,300	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	32.3	-1.10%	1.10	6,453.00	4.90	3,520.27	8.61	1.33	27.19%	15.94%
ACB	Ngân hàng	22.8	-0.70%	1.10	3,673.00	5.20	3,742.40	5.88	1.41	30.00%	25.16%
HDB	Ngân hàng	17.4	0.30%	0.80	2,086.00	4.10	3,148.88	5.91	1.27	20.00%	22.26%
LPB	Ngân hàng	16.1	-0.30%	1.30	1,712.00	1.50	2,732.22	5.93	1.28	3.90%	15.94%
VIB	Ngân hàng	20.6	-0.50%	1.20	2,172.00	3.30	3,469.03	5.85	1.54	20.50%	28.49%
VND	Chứng khoán	23.6	-0.60%	1.90	1,197.00	21.20	489.06	36.60	1.70	23.53%	3.84%
TPB	Ngân hàng	19.4	-1.30%	1.00	1,776.00	4.90	2,895.37	6.32	1.35	28.78%	19.79%
SSI	chứng khoán	33.8	0.30%	1.60	2,103.00	23.40	1,119.93	25.05	1.97		9.08%
CII	Xây dựng	23.3	1.30%	1.60	275.00	10.10	217.60	85.02	1.06	8.45%	0.19%
C4G	Xây dựng	14.8	-0.70%	1.90	-	1.50	790.73	18.08	1.42	0.00%	8.20%
CTD	Xây dựng	66.8	0.60%	2.00	207.00	2.50	183.95	420.21	0.60	43.16%	0.82%
HHV	Xây dựng	15.9	0.00%	1.60	218.00	3.50	903.05	17.16	0.72	4.82%	4.17%
LCG	Xây dựng	14	-0.40%	2.10	109.00	3.50	812.23	16.99	1.11	3.09%	3.71%
BCM	KCN	72.6	2.30%	0.70	3,124.00	1.30	1,170.44	69.20	4.44	2.71%	3.15%
HUT	KCN	28.1	7.30%	1.40	1,043.00	5.00	161.84	124.20	2.41	1.94%	1.35%
PHR	KCN	50	-2.90%	1.40	282.00	0.90	6,038.56	8.41	2.06	15.34%	26.78%
SZC	KCN	40	3.80%	1.80	199.00	3.70	1,102.80	29.11	2.79	3.02%	10.78%
HSG	Vật liệu	22	2.30%	2.30	563.00	15.80	(1,693.61)		1.23	20.22%	-11.74%
HT1	Vật liệu	15.3	1.30%	1.50	243.00	0.50	386.12	43.38	1.25	3.55%	1.25%
NKG	Vật liệu	21.8	4.50%	2.40	239.00	14.60	(2,585.96)		1.00	10.44%	-13.12%
PTB	Vật liệu	58.3	0.30%	1.10	162.00	0.70	6,016.80	9.06	1.38	17.13%	13.69%
KSB	Vật liệu	31.6	0.60%	1.70	100.00	2.60	1,392.77	22.19	1.21	3.30%	4.99%
NVL	BĐS	22	1.90%	1.40	1,784.00	48.10	362.35	40.57	1.10	3.86%	-0.53%
DXG	BĐS	22.6	-1.10%	2.70	573.00	15.70	(239.59)		1.34	18.42%	-1.38%
HDC	BĐS	37.8	0.80%	1.10	212.00	6.70	2,525.76	11.44	2.71	1.97%	17.18%
DIG	BĐS	29.4	0.20%	2.40	745.00	18.90	261.72	80.62	2.19	5.75%	1.11%
IJC	BĐS	16.7	-0.90%	2.10	175.00	2.60	1,661.89	8.57	1.14	5.70%	10.20%
BSR	Dầu khí	21.4	3.40%	1.40	-	11.50	4,750.00	3.79	1.25	0.41%	33.16%
PVT	Dầu khí	24	1.90%	0.80	323.00	5.40	2,740.01	8.56	1.13	13.86%	15.91%
PLC	Săm lốp	36.7	3.10%	1.60	123.00	0.30	1,355.49	28.18	2.44	1.25%	7.56%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Tiện ích	23.4	1.30%	1.10	116.00	0.50	2,246.06	10.28	1.61	11.51%	13.40%
REE	Tiện ích	64	0.60%	0.70	1,087.00	2.50	6,714.22	9.81	1.58	49.00%	14.90%
GEX	Tiện ích	25.7	4.50%	1.80	910.00	39.80	9.99	1917.69	1.60	11.94%	2.55%
NT2	Tiện ích	29.5	2.60%	0.60	353.00	2.50	3,244.99	9.29	1.83	15.34%	15.62%
HDG	Tiện ích	31.7	1.30%	1.80	403.00	5.40	3,774.53	8.05	1.69	23.84%	15.68%
PC1	Tiện ích	30.6	5.50%	1.50	344.00	8.40	1,257.41	21.63	1.52	5.59%	5.06%
GEG	Tiện ích	15.1	3.10%	1.00	214.00	1.30	901.85	16.47	1.42	45.88%	5.20%
BCG	Dầu khí	12.1	-0.40%	2.50	268.00	7.20	220.40	44.46	0.94	2.14%	-0.60%
SAB	Bán lẻ	160.6	0.10%	0.10	4,281.00	1.90	7,649.00	19.61	4.17	62.28%	19.12%
QNS	Bán lẻ	50.5	1.00%	0.50	-	1.70	4,226.00	11.90	1.99	16.19%	17.50%
FRT	Bán lẻ	86	2.10%	1.60	487.00	3.10	1,620.00	47.41	5.87	32.69%	-2.51%
DGW	Bán lẻ	59.9	1.90%	2.20	416.00	4.50	3,396.50	14.25	3.48	23.61%	21.73%
DBC	Bán lẻ	26	0.40%	2.00	262.00	11.50	(1,339.12)		1.36	5.95%	-0.25%
PET	Bán lẻ	29.8	1.90%	2.40	132.00	0.90	1,025.57	29.25			3.68%
BAF	Bán lẻ	21	0.20%	1.10	126.00	0.90	1,408.62	17.89	1.67	0.08%	9.96%
ANV	Thủy sản	36.3	1.50%	1.90	201.00	2.30	4,368.00	8.59	1.59	3.95%	9.29%
VSC	Logistics	32.7	3.80%	0.20	181.00	5.10	2,086.56	18.33	1.53	3.12%	6.42%
HAH	Logistics	38.1	6.90%	1.30	167.00	12.80	9,072.47	5.32	1.45	4.48%	25.48%
CTR	Công nghệ	84.4	1.70%	1.50	401.00	0.80	4,040.07	18.51	4.99	9.69%	31.94%
TNG	Dệt may	21	4.00%	1.70	99.00	3.20	2,665.32	7.47	1.26	23.78%	17.18%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký